

CÔNG TY CỔ PHẦN HÔNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01/03/2018)
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Bình	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Cẩm Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiển	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/03/2018)
Ông Trần Văn Long	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/03/2018)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM



Phạm Thị Cẩm Anh

Phó Tổng giám đốc

(Giấy ủy quyền số 09/UQCT ngày 16/06/2017)

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

Số: 229 -18/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản Công ty mua lại 20% vốn góp của Ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 với giá trị là 77.022.500.000 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là một khoản tổn thất theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015 và Công ty đã thực hiện ghi nhận 50% giá trị khoản tổn thất tương ứng với giá trị 38.511.250.000 đồng vào Chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh năm 2015. Phần còn lại của khoản tổn thất nêu trên được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và thực hiện kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm 2016 với giá trị 6.000.000.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của khoản đầu tư nêu trên và không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khoản đầu tư nêu trên là tổn thất. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị có thể thu hồi khoản phải thu khác của Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quãng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011 với số dư tại ngày 31/12/2017 là 11.347.160.000 đồng cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để đánh giá giá trị dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập. Do

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu nêu trên hay không.

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào và chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty này nếu có. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đánh giá giá trị của khoản đầu tư nêu trên. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

Như đã thuyết minh tại mục IV.1, Công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ không lập Báo cáo tài chính tại thời điểm thoái vốn (ngày 12/9/2017) nên Báo cáo tài chính của Công ty này được sử dụng để hợp nhất là Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất (ngày 30/06/2017). Do đó, chúng tôi không đánh giá được những ảnh hưởng của các giao dịch từ thời điểm Báo cáo tài chính gần nhất (ngày 30/06/2017) tới thời điểm thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.




Phạm Ngọc Toàn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1



Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		733.847.721.782	481.951.657.028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	183.968.034.571	105.782.587.930
1 Tiền	111		165.882.151.271	41.090.219.930
2 Các khoản tương đương tiền	112		18.085.883.300	64.692.368.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.5.	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		208.345.922.934	228.694.143.525
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	169.674.492.373	185.572.678.131
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	10.131.209.961	5.990.710.488
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.	57.600.000.000	56.300.000.000
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	31.965.776.500	41.856.310.806
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8.	292.795.530.138	116.630.059.953
1 Hàng tồn kho	141		292.795.530.138	116.630.059.953
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.738.234.139	30.844.865.620
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	24.014.275	125.102.887
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		48.714.219.864	30.669.416.969
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15.	-	50.345.764
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.676.654.256	250.218.252.987
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	14.500.000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.	-	145.165.493
2 Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	390.000.000	404.500.000
3 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(390.000.000)	(535.165.493)
II. Tài sản cố định	220		18.409.021.398	19.027.483.412
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	18.409.021.398	19.027.483.412
- Nguyên giá	222		44.484.389.655	44.469.480.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.075.368.257)	(25.441.996.816)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9.	881.367.500	881.367.500
- Nguyên giá	231		881.367.500	881.367.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10.	143.257.083.062	154.731.240.235
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		143.257.083.062	154.731.240.235
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.5.	33.279.375.612	28.741.894.721
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27.078.875.612	22.541.394.721
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.849.806.684	46.821.767.119
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	34.196.193.886	33.246.767.119
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.603.612.798	-
3 Lợi thế thương mại	269		9.050.000.000	13.575.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		976.524.376.038	732.169.910.015

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

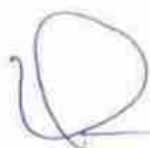
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		665.502.455.399	383.727.466.076
I. Nợ ngắn hạn	310		537.767.891.441	380.767.141.076
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	160.087.898.226	212.817.791.634
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	187.094.913.869	24.135.920.955
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	3.820.333.494	6.922.613.188
4 Phải trả người lao động	314		-	179.714.927
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	40.325.553.210	34.722.445.302
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	59.687.072.207	48.469.236.613
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	85.791.940.177	52.091.491.449
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		960.180.258	1.427.927.008
II. Nợ dài hạn	330		127.734.563.958	2.960.325.000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.	127.734.563.958	2.960.325.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		311.021.920.639	348.442.443.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	311.021.920.639	348.442.443.939
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3 Cổ phiếu quỹ	415		(21.107.350.742)	(21.098.433.409)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		25.183.653.303	25.183.653.303
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40.094.375.187)	(6.418.393.171)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(22.158.320.472)	(20.667.762.943)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(17.936.054.715)	14.249.369.772
7 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
8 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		83.110.966.865	86.846.590.816
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		976.524.376.038	732.169.910.015

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Vinh



Lê Hoài Thu



Phạm Thị Cẩm Anh

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 02 - DN /HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	256.305.139.444	757.881.893.935
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	4.422.034.763
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3.	256.305.139.444	753.459.859.172
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	244.722.220.895	682.327.264.128
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		11.582.918.549	71.132.595.044
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	3.733.131.580	5.006.566.356
7 Chi phí tài chính	22	VI.6.	5.808.705.944	2.329.813.093
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.589.680.370	2.323.635.032
8 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	VI.9.	-	291.174.870
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9.	31.153.605.941	46.848.794.953
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(21.646.261.756)	26.669.378.484
12 Thu nhập khác	31	VI.7.	637.339.497	3.843.900.741
13 Chi phí khác	32	VI.8.	606.908.748	161.357.517
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		30.430.749	3.682.543.224
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		(21.615.831.007)	30.351.921.708
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11.	132.361.311	6.958.108.770
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3.603.612.798)	1.983.672.631
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(18.144.579.520)	21.410.140.307
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(17.936.054.715)	14.249.369.772
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(208.524.805)	7.160.770.535
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12.	(990,94)	760,02

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Kế toán trưởng

Lê Hoài Thu

Phó Tổng giám đốc



Phạm Thị Cẩm Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 ngày 14 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016 thì vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Các hoạt động kinh doanh khác/.

Địa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom đối với cổ phiếu của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam (MCK:PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 đồng chỉ được giao dịch vào phiên thứ Sáu hàng tuần (trong đó: Số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu).

Trong năm Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ - Công ty con và đầu tư vào Công ty Cổ phần các Giải pháp Nội thất - Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 50%).

Công ty đang thực hiện xây dựng các khu nhà ở thương mại (CT 11, 12, 13), một phần nhà kinh doanh giai đoạn 1 tại ô đất N01B thuộc dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp, đến cuối kỳ kế toán tại ngày 31/12/2017 Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu kinh doanh bất động sản nên doanh thu năm 2017 bị giảm sút so với năm tài chính trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- a) Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
1. Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Số 18, ngõ 4 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng các công trình	75,5%	75,5%	75,5%
2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	62,83%	62,83%	62,83%
3. Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	Sản xuất nội thất	57,14%	57,14%	57,14%

- b) Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trì Quả, xã Hà Mãn, Thuận Thành, Bắc Ninh	Cung cấp gạch trung áp các loại	43,83%	43,83%
2. Công ty CP Các giải pháp nội thất	Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	50%	50%

- c) Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Thông tin về Chi nhánh: Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam. Mã số Chi nhánh: 0100109674-001. Địa chỉ: Số 96/108 Đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Riêng Công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ không lập Báo cáo tài chính tại thời điểm thoái vốn (ngày 12/9/2017) nên Báo cáo tài chính của Công ty này được sử dụng để hợp nhất là Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2017 là thời điểm gần nhất với thời điểm thoái vốn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phi hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Khi phân lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Công cụ tài chính

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm: chi phí nguyên liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bán giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư*Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh và Khu đô thị mới Tứ Hiệp được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và Ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 - 36 tháng.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay của Công ty tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí các công trình, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình, hạng mục đã hoàn thành.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hợp đồng xây dựng và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

- + Chi phí của hợp đồng chi được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hợp đồng xây dựng được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ được xác định như sau: Giá vốn trong năm = Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

Trong đó: Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ được xác định theo biên bản kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% cho các dịch vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Tiền</i>	<i>165.882.151.271</i>	<i>41.090.219.930</i>
Tiền mặt	1.292.581.991	2.260.470.836
Tiền gửi ngân hàng	164.589.569.280	38.829.749.094
<i>Các khoản tương đương tiền (*)</i>	<i>18.085.883.300</i>	<i>64.692.368.000</i>
Cộng	183.968.034.571	105.782.587.930

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được đảm bảo cho khoản ký quỹ đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội với giá trị 425.000.000 đồng.

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>169.674.492.373</i>	-	<i>185.572.678.131</i>	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch	56.509.200.386	-	-	-
Bệnh viện Chợ Rẫy - Trung tâm Ung Bướu	29.873.102.128	-	32.665.487.972	-
Kho bạc Nhà nước TP Hồ Chí Minh	21.850.876.000	-	8.094.410.200	-
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	9.521.191.280	-	24.133.873.000	-
Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương	6.508.931.900	-	15.220.837.000	-
Các đối tượng khác	45.411.190.679	-	105.458.069.959	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-	<i>145.165.493</i>	<i>145.165.493</i>
Tổng Công ty Licogi	-	-	145.165.493	145.165.493
Cộng	169.674.492.373	-	185.717.843.624	145.165.493

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Liên doanh Sunjin Việt Nam	-	2.495.419.000
Trương Trung Nghĩa	6.928.184.972	50.220.548
Các đối tượng khác	3.203.024.989	3.445.070.940
Cộng	10.131.209.961	5.990.710.488

4. Phải thu về cho vay

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (2)	2.600.000.000	-	1.300.000.000	-
Cộng	57.600.000.000	55.000.000.000	56.300.000.000	55.000.000.000

(1) Là khoản Công ty cho Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

(2) Khoản cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn ngày 24/7/2015, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 9%/năm.

- Hợp đồng vay vốn ngày 02/11/2017, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 8,4%/năm.

b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	27.078.875.612	-	27.078.875.612	22.541.394.721	-	22.578.875.612
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (1)	22.578.875.612	-	22.578.875.612	22.541.394.721	-	22.578.875.612
Công ty CP Các giải pháp nội thất (2)	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	6.200.500.000	-	6.200.500.000	6.200.500.000	-	6.200.500.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (3)	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (4)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	33.279.375.612	-	33.279.375.612	28.741.894.721	-	28.779.375.612

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Thông tin chi tiết về các công ty nhận đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2017 như sau:

Tên đơn vị nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (1)	Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	43,83%	43,83%	Sản xuất và kinh doanh các loại gạch trung áp
Công ty CP Các giải pháp nội thất (2)	Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	50,00%	50,00%	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (3)	Số 96 Hà Huy Tập, phường Hà Huy Lập, thành phố Vinh, Nghệ An	19,05%	19,05%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (4)	Số 35 Bến Tàu, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	9,98%	9,98%	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

(1) Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	43,83 %	43,83 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	43,83 %	43,83 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại gạch trung áp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: cung cấp gạch khí trung áp các loại.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, khoản trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí là 3.721.124.388 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

(2) Công ty CP Các giải pháp nội thất

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	50,00 %	0 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	50,00 %	0 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.

Công ty mới thành lập nên chưa có giao dịch với Công ty.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng

(3) Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	19,05 %	19,05 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	19,05 %	19,05 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 96 Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào nên chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào. Do đó, giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá gốc.

(4) Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

	31/12/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	9,98 %	9,98 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	9,98 %	9,98 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 35 Bến Tàu, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh: nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 31/12/2017, Báo cáo tài chính của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

6. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	31.965.776.500	6.025.555.900	41.856.310.806	6.025.555.900
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900
Công ty CP phát triển Tân Việt (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Công ty TNHH Phong Thịnh (3)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
Tạm ứng	34.054.625	-	293.801.500	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	683.652.715	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội</i>	-	-	683.652.715	-
Phải thu khác	6.122.075.985	-	15.069.210.701	-
b) Dài hạn	390.000.000	390.000.000	404.500.000	390.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	390.000.000	390.000.000	390.000.000	390.000.000
<i>Công ty Knight Frank</i>	<i>390.000.000</i>	<i>390.000.000</i>	<i>390.000.000</i>	<i>390.000.000</i>
Các đối tượng khác	-	-	14.500.000	-
Cộng	32.355.776.500	6.415.555.900	42.260.810.806	6.415.555.900

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

(2) Là khoản phải thu theo thỏa thuận liên doanh ba bên giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Việt về việc mua lại Dự án Khu nhà ở Ao trũng tại phường Long Biên, Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thực hiện Dự án đầu tư ngày 9/11/2016.

(3) Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây truyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011, chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng (nhà máy đặt tại bản Poonglak, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu về cho vay</i>	<i>55.000.000.000</i>	-	<i>55.000.000.000</i>	-
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>6.415.555.900</i>		<i>6.560.721.393</i>	
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	-	6.025.555.900	-
Công ty Knight Frank	390.000.000	-	390.000.000	-
Tổng công ty Licogi	-	-	145.165.493	-
Cộng	61.415.555.900	-	61.560.721.393	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1.900.700.357	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.086.363	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	292.453.876.638	-	114.720.273.233	-
Hàng hóa	341.653.500	-	-	-
Cộng	292.795.530.138	-	116.630.059.953	-

(*) Giá trị của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 29.489.989.627 VND

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/12/2017
Nguyên giá	881.367.500	-	-	881.367.500
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	881.367.500	-	-	881.367.500
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	881.367.500	-	-	881.367.500
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	881.367.500	-	-	881.367.500

- Nguyên giá BDS đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	3.119.055.511	3.112.934.951
Dự án Khu đô thị mới Từ Hiệp	140.138.027.551	151.618.305.284
Cộng	143.257.083.062	154.731.240.235

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2017	4.944.416.927	26.911.971.605	12.216.210.947	396.880.749	44.469.480.228
Mua trong kỳ	-	6.166.502.150	351.353.028	149.645.454	6.667.500.632
Tăng khác do phân loại lại	-	549.501.284	-	-	549.501.284
Giảm khác do phân loại lại	(195.584.220)	-	(353.917.064)	-	(549.501.284)
Thanh lý, nhượng bán	(1.259.799.091)	-	(34.430.827)	-	(1.294.229.918)
Giảm khác (*)	(2.483.736.722)	(2.597.290.929)	(277.333.636)	-	(5.358.361.287)
Số dư ngày 31/12/2017	1.005.296.894	31.030.684.110	11.901.882.448	546.526.203	44.484.389.655
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2017	1.005.296.894	31.030.684.110	11.901.882.448	546.526.203	25.441.996.816
Khấu hao trong kỳ	100.656.659	2.425.290.637	1.571.869.211	31.818.333	4.129.634.840
Tăng khác do phân loại lại	-	549.057.812	-	-	549.057.812
Giảm khác do phân loại lại	(195.399.800)	-	(353.658.012)	-	(549.057.812)
Thanh lý, nhượng bán	(824.868.000)	-	(34.430.827)	-	(859.298.827)
Giảm khác (*)	(1.521.563.274)	(1.085.686.980)	(29.714.318)	-	(2.636.964.572)
Số dư ngày 31/12/2017	665.383.828	19.396.027.301	5.585.258.046	428.699.082	26.075.368.257
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	1.837.858.684	9.404.605.773	7.785.018.955	-	19.027.483.412
Tại ngày 31/12/2017	339.913.066	11.634.656.809	6.316.624.402	117.827.121	18.409.021.398

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 18.076.512.327 VND.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.385.871.895 VND

(*) Giảm khác do trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoà Kỳ - Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	24.014.275	125.102.887
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	16.088.138	93.669.713
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.926.137	31.433.174
b) Dài hạn	34.196.193.886	33.246.767.119
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.612.143.886	735.517.119
Chi phí thuê văn phòng	72.800.000	-
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
Cộng	34.220.208.161	33.371.870.006

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tổn thất. Khoản tổn thất này được ghi nhận và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 là 38.511.250.000 đồng, năm 2016 là 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

13. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Nguyễn Sơn Cương	4.053.211.361	4.053.211.361	7.349.521.887	7.349.521.887
Lê Quốc Tuấn	12.316.077.012	12.316.077.012	17.613.082.921	17.613.082.921
Lê Văn Hùng	9.455.646.043	9.455.646.043	12.556.413.536	12.556.413.536
Trương Trung Nghĩa	60.255.097.798	60.255.097.798	39.107.410.315	39.107.410.315
Vũ Anh Tuấn	5.010.981.682	5.010.981.682	992.868.566	992.868.566
Các đối tượng khác	68.996.884.330	68.996.884.330	135.198.494.409	135.198.494.409
Cộng	160.087.898.226	160.087.898.226	212.817.791.634	212.817.791.634

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Bệnh viện Việt Đức	174.505.822.300	18.505.567.300
Trả trước tiền mua căn hộ	12.000.740.642	-
Chi cục thi hành án Quận Tân Bình	-	3.219.113.280
Các đối tượng khác	588.350.927	2.411.240.375
Cộng	187.094.913.869	24.135.920.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. Vay và nợ thuê Tài chính**

Đơn vị tính: VND

Các khoản vay	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	85.791.940.177	85.791.940.177	217.687.517.788	183.987.069.060	52.091.491.449	52.091.491.449
Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Thiên Long	-	-	126.770.570	138.685.570	11.915.000	11.915.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	47.340.696.529	47.340.696.529	78.313.318.130	36.372.621.601	5.400.000.000	5.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (2)	30.164.313.443	30.164.313.443	111.574.683.255	127.181.546.261	45.771.176.449	45.771.176.449
Ngân hàng TMCP INDOVINA - CN Mỹ Đình (3)	8.286.930.205	8.286.930.205	27.672.745.833	19.385.815.628	-	-
Nguyễn Thúy Hoàn (*)	-	-	-	908.400.000	908.400.000	908.400.000
b) Vay dài hạn	127.734.563.958	127.734.563.958	130.989.368.958	6.215.130.000	2.960.325.000	2.960.325.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (4)	1.575.125.000	1.575.125.000	1.198.100.000	2.396.200.000	2.773.225.000	2.773.225.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (5)	4.012.400.180	4.012.400.180	7.644.230.180	3.631.830.000	-	-
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (6)	122.147.038.778	122.147.038.778	122.147.038.778	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	-	-	-	187.100.000	187.100.000	187.100.000
Cộng	213.526.504.135	213.526.504.135	348.676.886.746	190.202.199.060	55.051.816.449	55.051.816.449

() Giảm do trong năm Công ty thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Cửa Hoa Kỳ - Công ty con.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo các hợp đồng sau:**

- Hợp đồng tín dụng số 08/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVN ngày 14/3/2017. Hạn mức cho vay 10.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng gói thầu số 23: Hạng mục bổ sung khối lượng đoạn từ K5+780 đến K5+920 (bờ trái) và đoạn từ điểm cuối dự án K6+052 đến sông Cái - Công trình Nạo vét suối sần máu, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Biện pháp bảo đảm: Cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung. Tài sản bảo đảm bổ sung là Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 148/2016/HĐXD ngày 22/12/2016 về việc thi công gói thầu số 23 (Xây lắp): Hạng mục bổ sung khối lượng đoạn từ K5+780 đến K5+920 (bờ trái) và đoạn từ điểm cuối dự án (K6+052) đến sông Cái - Công trình: Nạo vét suối sần máu, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Giá trị tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 10/2017-HĐTC/NHCT146-HONGHAVN ngày 16/3/2017 là: 16.268.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 34/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVN ngày 30/06/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay từng lần số 65/2017-HĐCV-SDDBS02/NHCT146-HONGHA-BQP ngày 08/09/2017. Hạn mức cho vay 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31/07/2018, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay là sử dụng để thực hiện các phần việc của Hợp đồng thi công xây dựng số 80A-2017/HĐXD-BQL/New-HHVN -SH ngày 23/02/2017 về việc "Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình" thuộc dự án "Xây dựng nhà ở xã hội để bán cho cán bộ sỹ quan thuộc tổng cục II - Bộ Quốc Phòng" công. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng bảo đảm số 18/2017-HĐTC.NHCT146-HONGHAVN ngày 30/12/2017.

- Hợp đồng tín dụng số 90/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVN ngày 14/12/2017. Hạn mức cho vay 320.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 25/08/2019, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay theo giấy nhận nợ từng lần. Mục đích sử dụng tiền vay là sử dụng để thực hiện các phần việc của Hợp đồng thi công xây dựng số 13-1/2017.HĐXD/THHHDK-HHVN ngày 18/08/2018, các phụ lục kèm theo về việc thực hiện hạng mục "Thi công phần thô, phần hoàn thiện" công trình Nhà CT11, CT12, CT13 thuộc dự án Xây dựng khu nhà ở thương mại giai đoạn I tại địa điểm Ô đất N01B và N02, KĐT mới Tứ Hiệp. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng bảo đảm số 94/2017-HĐTC.NHCT146-HONGHAVN tháng 12 năm 2017.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 58757.16.003.5466.TD ngày 20/9/2016. Hạn mức công trình: 80.000.000.000 đồng; doanh số cho vay tối đa: 400.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng bằng thời hạn đến trước trong 02 thời hạn: hoặc đến hết ngày 24/5/2017 hoặc tối đa không quá 03 tháng so với thời hạn thi công công trình theo xác nhận của Chủ đầu tư. Lãi suất áp dụng theo văn bản nhận nợ với MB. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVD-01 ngày 24/02/2015 đã ký với Ban quản lý dự án Y tế trọng điểm. Tài sản đảm bảo là: 01 ô tô Mercedes-benz BKS 30A-75639; 8.158.000 cổ phiếu tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí, giá trị được định giá là 81,58 tỷ đồng; quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVD-01 ngày 24/2/2015 về việc thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang.

- Hợp đồng cấp tín dụng số 148.14.003.5466.TD ngày 05/01/2015. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu số 3XD - Khối lớp học, giảng đường, hội trường, thư viện, hành chính thuộc Dự án Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính tại TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thi công xây dựng số 56/2014/HĐXL ngày 25/6/2014. Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty với giá trị bảo đảm tối đa: 1.954.000.000 đồng, 01 xe ô tô Toyota Fortuner 07 chỗ BKS 29A-67273 với giá trị bảo đảm tối đa: 103.200.000 đồng; 01 xe ô tô Honda Accord 05 chỗ BKS 29A-673.01 với giá trị bảo đảm tối đa 25.200.000 đồng; cổ phiếu tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà dầu khí thuộc sở hữu của Công ty với giá trị bảo đảm tối đa: 40.790.000.000 đồng; Khoản phải thu từ Hợp đồng thi công xây dựng số 56/2014/HĐXL ngày 25/6/2014; và toàn bộ giá trị sản lượng dở dang và khoản phải thu từ các công trình MB tài trợ với giá trị bảo đảm tối đa: 144.420.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

(3) Khoản vay Ngân hàng Indovina Bank - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 158/IVBMD-HĐNH/2017 ngày 05/09/2017. Hạn mức cho vay 45.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 175 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích sử dụng tiền vay là sử dụng để tài trợ một phần vốn và phát hành bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 06D/2017/HĐXD/THHHDK-HHVN ngày 09/03/2017. Tài sản đảm bảo là toàn bộ khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 06D/2017/HĐXD/THHHDK-HHVN ngày 09/03/2017.

(4) Khoản vay ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 213.15.003.5466.TD ngày 03/03/2015. Hạn mức cho vay 14.073.000.000 đồng. Mục đích vay phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC, cho vay để khách hàng mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất theo quy định của từng khoản vay.

(5) Khoản vay dài hạn ngân hàng theo Hợp đồng cho vay từng lần số 23/2017-HDTDTH/NHCT146-HONG HA VN ngày 17/05/2017. Hạn mức tín dụng 8.150.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay để đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội.

(6) Khoản vay Ngân hàng Indovina Bank - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng:

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng số 102/IVBMD-HDTH/2017 ngày 06/06/2017 giữa Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà dầu khí với Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình. Khoản vay có hạn mức 750 tỷ đồng, trong đó, số tiền vay tối đa là 500 tỷ đồng, số còn lại sẽ được sử dụng để phát hành bảo lãnh, thời hạn giải ngân trong vòng 32 tháng, lãi suất áp dụng là 10,75% cho 365 ngày và được xem xét điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được sử dụng để tài trợ một phần việc đầu tư xây dựng ba (03) Tòa chung cư thương mại ký hiệu CT11, CT12, CT13 thuộc dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất được Ngân hàng tài trợ một phần sẽ hình thành trong tương lai
- Quyền đầu tư, khai thác và phát triển dự án tại địa chỉ ô đất số N01B, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo ước tính là 1.154.499.649.600 VND.

Sau khi các căn hộ của Dự án được mở bán, tài sản đảm bảo được chuyển sang loại hình Khoản phải thu phát sinh từ Hợp đồng mua bán nhà ở/căn hộ chung cư.

Khoản vay được ân hạn lãi suất trong vòng 6 tháng và gốc vay trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí công trình	10.902.976.565	670.264.245
Trích trước giá vốn bất động sản đã bán	29.422.576.645	34.052.181.059
Cộng	40.325.553.210	34.722.445.302

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải nộp		
Thuế GTGT đầu ra	3.583.282.888	4.314.015.212
Thuế TNDN	103.386.340	2.374.547.186
Thuế Thu nhập cá nhân	133.664.266	234.050.790
Cộng	3.820.333.494	6.922.613.188

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Phải thu

Thuế Thu nhập cá nhân	-	50.345.764
Cộng	-	50.345.764

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tài sản thừa chờ xử lý		-
Kinh phí công đoàn	197.879.150	248.989.480
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.294.531	-
Phải trả, phải nộp khác	59.486.898.526	48.220.247.133
<i>Công ty TNHH Hồng Hà Thành Công</i>	200.012.008	200.012.008
<i>Phí bảo trì chung cư</i>	12.640.872.453	12.322.184.000
<i>Công ty CP TH Thăng Long (*)</i>	35.782.527.000	32.782.527.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	9.727.381.000	677.381.000
<i>Các đối tượng khác</i>	1.136.106.065	2.238.143.125
Cộng	59.687.072.207	48.469.236.613

(*) Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 05B/HĐKT giữa Công ty Cổ phần TH Thăng Long (Bên nhận chuyển giao) với Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (Bên chuyển giao) ký ngày 05/05/2014 về việc chuyển giao hạ tầng các ô đất TH và NT để xây dựng Trường tiểu học và Nhà trẻ, mẫu giáo tại Dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội Bên chuyển giao Trường tiểu học ký hiệu ô đất TH với diện tích đất là 5.944 (m²), Nhà trẻ, mẫu giáo ký hiệu ô đất NT với diện tích đất là 4.715 (m²) tổng diện tích đất là 10.659 (m²) khi bên nhận chuyển giao nhận được văn bản của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt. Giá trị của hợp đồng là 38.692.170.000 đồng (Đã bao gồm VAT 10%).

19. Vốn chủ sở hữu**19.1 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.050.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**19.2 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2016	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	(9.143.373.758)	229.464.098.124
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.249.369.772	14.249.369.772
Tăng khác	-	-	(9.130.791)	-	(9.130.791)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(11.524.389.185)	(11.524.389.185)
Số dư ngày 31/12/2016	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.098.433.409)	(6.418.393.171)	232.179.947.920
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(17.936.054.715)	(17.936.054.715)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ năm nay	-	-	-	-	-
Chuyển lợi nhuận tăng vốn	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(9.050.000.000)	(9.050.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(493.000.000)	(493.000.000)
Giảm khác	-	-	(8.917.333)	(6.196.927.301)	(6.205.844.634)
Số dư ngày 31/12/2017	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.107.350.742)	(40.094.375.187)	198.495.048.571



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.900.000	1.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

19.4 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
Quỹ đầu tư phát triển	25.183.653.303	-	-	25.183.653.303
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	-	-	4.232.251.900
Cộng	29.415.905.203	-	-	29.415.905.203

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	258.826.311.291
Doanh thu hợp đồng xây dựng	250.046.024.442	489.707.556.092
Doanh thu bán hàng hóa	-	204.181.384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.259.115.002	9.143.845.168
Cộng	256.305.139.444	757.881.893.935

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	4.422.034.763
Cộng	-	4.422.034.763

3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	258.826.311.291

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Doanh thu hợp đồng xây dựng	250.046.024.442	489.707.556.092
Doanh thu bán hàng hóa	-	204.181.384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.259.115.002	4.721.810.405
Cộng	256.305.139.444	753.459.859.172
4. Giá vốn bán hàng	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	233.201.438.231
Giá vốn hợp đồng xây dựng	238.956.541.233	442.068.293.531
Giá vốn bán hàng hóa	-	17.050.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.765.679.662	7.040.482.366
Cộng	244.722.220.895	682.327.264.128
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.580.459.636	4.856.566.356
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	150.000.000
Lãi do bán khoản đầu tư	2.002.671.944	-
Cộng	3.733.131.580	5.006.566.356
6. Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.589.680.370	2.323.635.032
Lãi chậm nộp	219.025.574	6.178.061
Cộng	5.808.705.944	2.329.813.093
7. Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	6.825.353
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	10.000.000	400.000
Xử lý công nợ không phải trả	602.236.048	-
Thu phạt người lao động làm mất tài sản cố định	-	347.943.380
Các khoản thu nhập khác	25.103.449	3.488.732.008
Cộng	637.339.497	3.843.900.741
8. Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định	257.658.364	-
Giá trị còn lại của TSCĐ bị mất	-	73.081.100
Chi phí nộp phạt	245.454.545	56.220
Các khoản khác	103.795.839	88.220.197
Cộng	606.908.748	161.357.517

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	31.153.605.941	46.848.794.953
Chi phí nhân viên quản lý	15.381.305.790	17.720.210.212
Chi phí vật liệu quản lý	-	265.444.146
Chi phí đồ dùng văn phòng	378.395.582	1.241.135.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.785.189.594	2.322.020.273
Thuế, phí lệ phí	9.000.000	-
Chi phí tổn thất của Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN	-	6.000.000.000
Lợi thế thương mại	4.525.000.000	4.525.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.725.985.007	9.414.158.019
Chi phí bằng tiền khác	3.348.729.968	5.360.826.521
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	291.174.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	291.174.870
Cộng	31.153.605.941	47.139.969.823

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	175.450.074.382	428.493.318.137
Chi phí nhân công	71.636.525.418	90.557.912.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.129.634.840	6.108.316.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.997.256.361	18.579.840.277
Chi phí khác bằng tiền	57.643.052.156	61.167.804.486
Cộng	372.856.543.157	604.907.191.687

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	132.361.311	6.958.108.770
Trong đó:		
<i>Công ty CP Hồng Hà Việt Nam</i>	<i>127.370.930</i>	<i>4.170.933.374</i>
<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>	<i>1.019.444</i>	<i>303.619.020</i>
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu Khí</i>	<i>3.970.937</i>	<i>2.483.556.376</i>

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.936.054.715)	14.249.369.772
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	493.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	493.000.000
<i>- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	493.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(17.936.054.715)	13.756.369.772
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.100.000	18.100.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	(990,94)	760,02

(*) Theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2017 thì Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính 2016 với số tiền là 493.000.000 đồng. Do đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết nêu trên như sau:

	Năm 2016		
	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.249.369.772	-	14.249.369.772
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	965.658.454	(472.658.454)	493.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	965.658.454	(472.658.454)	493.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	965.658.454	(472.658.454)	493.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	13.283.711.318	-	13.756.369.772
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	18.100.000	-	18.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	733,91	26,11	760,02

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**1. Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm -18.298.780.476 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

2. Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền tệ

Giảm khoản vay do thanh lý Công ty con

Năm 2017
VND

856.800.000

3. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:

345.848.322.746

211.550.970.908

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

186.516.835.060

306.465.574.118

VIII. Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí

Mối quan hệ

Công ty liên kết

2.1. Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**2.2. Số dư các bên liên quan**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu về cho vay</i>	<i>2.600.000.000</i>	<i>1.300.000.000</i>
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	2.600.000.000	1.300.000.000
<i>Phải thu khác</i>	<i>-</i>	<i>25.175.000</i>
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	-	25.175.000

2.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và các khoản phụ cấp	2.512.500.000	1.957.362.000
Cộng	2.512.500.000	1.957.362.000

3. Công cụ tài chính***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số VI.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

<i>Công nợ tài chính</i>	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản vay	213.526.504.135	55.051.816.449
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	183.968.034.571	105.782.587.930
Nợ thuần	29.558.469.564	-
Vốn chủ sở hữu	311.021.920.639	348.442.443.939
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	9,50%	0,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	183.968.034.571	105.782.587.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	140.614.712.973	221.417.933.037
Các khoản đầu tư tài chính	6.200.500.000	6.200.500.000
Tổng cộng	330.783.247.544	333.401.020.967
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	213.526.504.135	55.051.816.449
Phải trả người bán và phải trả khác	219.774.970.433	261.287.028.247
Chi phí phải trả	40.325.553.210	34.722.445.302
Tổng cộng	473.627.027.778	351.061.289.998

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	219.774.970.433	-	219.774.970.433
Chi phí phải trả	40.325.553.210	-	40.325.553.210
Các khoản vay	85.791.940.177	127.734.563.958	213.526.504.135
01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	261.287.028.247	-	261.287.028.247
Chi phí phải trả	34.722.445.302	-	34.722.445.302
Các khoản vay	52.091.491.449	2.960.325.000	55.051.816.449

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	183.968.034.571	-	183.968.034.571
Phải thu khách hàng và phải thu khác	140.614.712.973	-	140.614.712.973
Các khoản đầu tư tài chính	-	6.200.500.000	6.200.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.782.587.930	-	105.782.587.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.403.433.037	14.500.000	166.417.933.037
Các khoản đầu tư tài chính	-	6.200.500.000	6.200.500.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được kiểm toán. Tuy nhiên, số liệu của kỳ báo cáo trước đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót" do Công ty chưa thực hiện ghi giảm số dư khoản chi phí trích trước để tạm tính giá vốn bất động sản đã bán trên TK 335 - "Chi phí phải trả ngắn hạn" đối chi phí hạ tầng kỹ thuật đã có hồ sơ, tài liệu chứng minh là đã phát sinh của các Công trình CT 4-5-6, CT 15-16.

4.1 Số liệu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	31/12/2016		
	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Tài sản dở dang dài hạn			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	180.885.121.672	(26.153.881.437)	154.731.240.235
Nợ ngắn hạn			
Chi phí phải trả ngắn hạn	60.876.326.739	(26.153.881.437)	34.722.445.302

4.2 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh

Ghi giảm chi phí phải trả đã trích trước để tạm tính giá vốn bất động sản đã bán trong năm 2016 trên TK 335 - "Chi phí phải trả ngắn hạn" đối với chi phí hạ tầng kỹ thuật của các Công trình CT 4-5-6, CT 15-16 đã có chứng từ.

Ảnh hưởng của các số liệu được điều chỉnh hồi tố như sau:

Các thuyết minh về số liệu liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm 26.153.881.437 đồng dẫn đến Tổng Tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giảm đi với giá trị tương ứng.

Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 26.153.881.437 đồng dẫn đến Tổng Nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giảm đi với giá trị tương ứng.

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Phó Tổng giám đốc



Phạm Thị Cẩm Anh